

Số: 62/2019/QĐST- HNGĐ

Cao Phong, ngày 20 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Xóm P, xã Y, huyện C, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Xóm P, xã Y, huyện C, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn D.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Thỏa thuận giao cháu Bùi Yến N, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Bùi Gia B, sinh ngày 22/4/2016 cho anh Bùi Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhi và cháu Bảo đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị T đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng) cho anh Bùi Văn D, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu N và cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày anh Bùi Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị T chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con, thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. *Về công nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Chị Phạm Thị T tự nguyện nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000927 ngày 22/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T Hoà Bình;
- VKSND H Cao Phong;
- Chi cục THADS H Cao Phong;
- UBND xã Yên Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

